TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NINH KIỀU,** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **42/**2024/DS-ST
Ngày: 23-02-2024
V/v tranh chấp đòi lại tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Bé Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Tấn Triều

2. Ông Phan Công Ny

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Quốc Sang – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thùy Ngân - Kiểm sát viên.

TrOg ngày 20 và ngày 23 tháng 02 năm 2024 tại Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 565/2023/TLST-DS ngày 09/10/2023 về việc Tranh chấp đòi lại tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2025/QĐST-DS ngày 02 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

- Bà **Hồ Thị Út O**, sinh năm 1958
- Bà **Huỳnh D**, sinh năm 1985
- Ông **Lê Minh M**, sinh năm 1983

Cùng địa chỉ: đường Trần Ph (nay là đường Sông H), khu vực 1, phường Cái K, quận N, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện: Ông Nguyễn Trường S. Địa chỉ: 58C Hùng Vương, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ. Theo văn bản ủy quyền ngày 16/10/2023. Có mặt.

2. Bị đơn:

- Bà **Đoàn Huỳnh N**, sinh năm 1991
- Ông **Đoàn Hữu N1**, sinh năm 1995

- Bà **Nguyễn Thị Ngọc T**, sinh năm 1999

Cùng địa chỉ: đường Sông H, khu vực 1, phường Cái Kh, quận N, TP. Cần Thơ.

Người đại diện: Ông Huỳnh Văn V. Địa chỉ: Thôn Phước Tân 1, xã Ea Kuăng, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắc Lắk. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo các tài liệu, chứng cứ có trOg hồ sơ, đại diện nguyên đơn ông Nguyễn Trường S trình bày và yêu cầu:

Do có mối quan hệ trOg họ hàng với nhau (N – N1 là cháu chú - bác ruột của chồng bà O, T là vợ N1) và nhu cầu cần vốn làm ăn nên ông Đoàn Hữu N1 và vợ là bà Nguyễn Thị Ngọc T có hợp tác làm ăn với bà Hồ Thị Út O và bà Huỳnh D. Tuy Nên do làm ăn thất bại nên vợ chồng ông Đoàn Hữu N1, bà Nguyễn Thị Ngọc T có nợ bà O và bà Huỳnh D với số tiền là 1.860.000.000 đồng và nợ bên ngoài số tiền là 500.000.000 đồng.

Ngày 08/3/2021 vợ chồng ông N1 cùng với chị ruột của ông N1 là bà Đoàn Huỳnh N có viết Tờ cam kết xác nhận còn nợ số tiền 1.860.000.000 đồng và xin bà O, bà D cho trả nợ dần hàng tháng ít nhất là 10.000.000 đồng không tính lãi. TrOg trường hợp vợ chồng ông N1, bà T và bà Đoàn Huỳnh N có hơn số tiền trả hàng tháng thì sẽ trả thêm, còn nếu có đủ tiền thì sẽ trả một lần dứt nợ cho bà O và bà D. Tuy Nên, ông Đoàn Hữu N1, bà Nguyễn Thị Ngọc T cùng với bà Đoàn Huỳnh N chỉ trả cho bà O và bà Huỳnh D (cO gái bà O) được 239.000.000 đồng rồi không trả nữa và không tiếp tục thực hiện theo nội dung Tờ cam kết đã ký ngày 08/3/2021 với các nguyên đơn.

Còn đối với số tiền 500.000.000 đồng - nợ bên ngoài thì vợ chồng ông Đoàn Hữu N1 – bà Nguyễn Thị Ngọc T cùng với bà Đoàn Huỳnh N có nhờ ông Lê Minh M (chồng bà Huỳnh D) đứng ra vay giúp số tiền như nêu trên tại Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ (PVcomBank Cần Thơ) (hợp đồng LD2036371814, ngày 28/12/2020 ngày đáo hạn 28/12/2027). Đối với khoản vay này vợ chồng ông Đoàn Hữu N1 – bà Nguyễn Thị Ngọc T cùng với bà Đoàn Huỳnh N cũng có viết Tờ cam kết vào ngày 08/3/2021 là hàng tháng sẽ chuyển tiền nợ gốc + tiền lãi theo thông báo đóng lãi của ngân hàng (PVcomBank Cần Thơ) cho ông Lê Minh M vào ngày 13 hàng tháng để nộp ngân hàng theo đúng quy định. Ngoài số tiền gốc + tiền lãi đóng hàng tháng cho ngân hàng ra, vợ chồng ông N1 - bà T và bà Đoàn Huỳnh N cũng cam kết là nếu có dư tiền sẽ tất toán dần

hoặc tất toán 01 lần khoản vay này tại Ngân hàng mà ông Lê Minh M đã đứng ra vay giúp hộ. Bà Đoàn Huỳnh N đã đứng ra đóng lãi cho giao dịch này được một thời gian, nhưng kể từ ngày 15/9/2022 thì cũng không tiếp tục thực hiện trả gốc và lãi cho ông M để ông trả nợ cho Ngân hàng theo nội dung Tờ cam kết đã ký ngày 08/3/2021 với ông Lê Minh M.

Do đó, các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Đoàn Huỳnh N, Đoàn Hữu N1, Nguyễn Thị Ngọc T liên đới trả cho bà Hồ Thị Út O và bà Huỳnh D tổng số tiền 1.621.000.000 đồng (TrOg đó có 1.300.000.000 đồng là tiền của bà O; bà Huỳnh D là 321.000.000 đồng); Liên đới trả cho ông Lê Minh M (chồng bà D): 422.859.236 đồng theo hợp đồng LD2036371814, ngày 28/12/2020 ngày đáo hạn 28/12/2027. Đồng thời các nguyên đơn yêu cầu được tính lãi suất chậm trả từ ngày khởi kiện đến khi trả tất nợ, theo lãi suất 10%/năm tương ứng với số nợ và thời gian chậm trả.

* *Đại diện bị đơn ông Huỳnh Văn V trình bày:* Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn các bị đơn không thống nhất. Theo như trình bày của bà Đoàn Huỳnh N, ông Đoàn Hữu N1, bà Nguyễn Thị Ngọc T thì các ông bà không có nợ bà Hồ Thị Út O số tiền 1.300.000.000 đồng, không có nợ ông Lê Minh M 500.000.000 đồng. Riêng đối với bà Huỳnh D thì các bị đơn thừa nhận có nợ nhưng chưa xác định được được số tiền nợ cụ thể là bao Nêu. Các bị đơn đang trOg quá trình thu thập lại các hóa đơn, chứng từ liên quan đến việc vay mượn tiền này nên đề nghị Tòa án cho bị đơn thêm thời gian để thu thập chứng cứ chứng minh cho trình bày của mình.

Tại phiên tòa:

- Đại diện nguyên đơn ông Nguyễn Trường S trình bày: các nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, yêu cầu vợ chồng ông Đoàn Hữu N1, Nguyễn Thị Ngọc T và bà Đoàn Huỳnh N liên đới trả cho bà Hồ Thị Út O 1.300.000.000 đồng, trả cho bà Huỳnh D 321.000.000 đồng; Đối với ông Lê Minh M, số tiền ông yêu cầu các bị đơn trả có điều chỉnh từ 422.859.236 đồng thành 418.562.559 đồng. Đồng yêu cầu được tính lãi chậm trả trên số tiền nợ kể từ ngày khởi kiện cho đến khi thanh toán xOg với mức lãi suất 10%/năm. Ngoài ra, đối với Tờ cam kết được ký kết giữa ông Lê Minh M và bà Đoàn Huỳnh N, ông N1, bà T được lập ngày 08/3/2021 chứ không phải năm 2020, do khi lập biên nhận viết sai năm.

- Đại diện bị đơn ông Huỳnh Văn V trình bày: Ông đại diện chi bà N, ông N1, bà T xác nhận còn nợ bà O và bà Huỳnh D số tiền 1.621.000.000 đồng nhưng

số tiền cụ thể của bà D và bà O là bao Nêu thì các bị đơn không xác định được. Đối với số tiền 500.000.000 đồng, các bị đơn cho rằng không có mượn tiền của ông M mà là do ông M, bà D tự cộng tiền lãi của số tiền nợ 1.860.000.000 đồng rồi buộc các bị đơn ký xác nhận có mượn 500.000.000 đồng của ông M, các bị đơn đã đóng tiền cho ông M từ khi ký biên nhận đến tháng 9/2022 với số tiền là 210.417.000 đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét không chấp nhận đối với yêu cầu khởi kiện của ông M và khấu trừ số tiền bà N đã đóng qua phần nợ của bà D và bà O.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ninh Kiều tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trOg quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật.

- Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các bị đơn phải nộp án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ tranh chấp: các nguyên đơn bà Hồ Thị Út O, bà Huỳnh D, ông Lê Minh M khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Đoàn Hữu N1, bà Nguyễn Thị Ngọc T và bà Đoàn Huỳnh N liên đới trả cho lại bà Hồ Thị Út O, bà Huỳnh D số tiền 1.621.000.000 đồng; liên đới trả cho ông Lê Minh M số tiền 418.562.559 đồng; yêu cầu được tính lãi chậm trả trên số tiền nợ kể từ ngày khởi kiện cho đến khi thanh toán xOg với mức lãi suất 10%/năm. Đây được xác định là Tranh chấp đòi lại tài sản theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Các bị đơn có địa chỉ cư trú tại số 03A đường Sông Hậu, khu vực 1, phường Cái Khế, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ và đây cũng là địa chỉ được ghi trOg các giao dịch giữa các đương sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều theo quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Do có mối quan hệ họ hàng với nhau nên giữa bà Hồ Thị Út O, bà Huỳnh D và vợ chồng ông Đoàn Hữu N1, bà Nguyễn Thị Ngọc T có hợp tác làm ăn theo hình thức bà O, bà D góp vốn đưa tiền cho các bị đơn kinh doanh lấy lãi. Tuy Nên, sau khi việc làm ăn gặp khó khăn ông N1, bà T còn nợ lại bà O, bà D số tiền

1.860.000.000 đồng và nợ bên ngoài 500.000.000 đồng.

Ngày 08/3/2021 chị ông N1 là bà Đoàn Huỳnh N, ông Đoàn Hữu N1 và vợ là bà Nguyễn Thị Ngọc T có ký với bà Hồ Thị Út O, bà Huỳnh D "TỜ CAM KẾT" xác nhận còn nợ số tiền 1.860.000.000 đồng, cam kết trả nợ dần hàng tháng ít nhất là 10.000.000 đồng không tính lãi. TrOg trường hợp vợ chồng ông N1, bà T và bà Đoàn Huỳnh N có hơn số tiền trả hàng tháng thì sẽ trả thêm, còn nếu có đủ tiền thì sẽ trả một lần dứt nợ cho bà O và bà D.

Đối với số tiền 500.000.000 đồng nợ bên ngoài, ông Lê Minh M là chồng bà Huỳnh D cũng đứng ra vay cho vợ chồng ông Đoàn Hữu N1, bà Nguyễn Thị Ngọc T và bà Đoàn Huỳnh N số tiền 500.000.000 đồng tại Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ (PVcomBank Cần Thơ). Đối với khoản tiền này này vợ chồng ông Đoàn Hữu N1 – bà Nguyễn Thị Ngọc T cùng với bà Đoàn Huỳnh N cũng có viết Tờ cam kết đề ngày 08/3/2020 là hàng tháng sẽ chuyển tiền nợ gốc + tiền lãi theo thông báo đóng lãi của ngân hàng (PVcomBank Cần Thơ) cho ông Lê Minh M vào ngày 13 hàng tháng để nộp ngân hàng theo đúng quy định. Ngoài số tiền gốc + tiền lãi đóng hàng tháng cho ngân hàng ra, vợ chồng ông N1 - bà T và bà Đoàn Huỳnh N cũng cam kết là nếu có dư tiền sẽ tất toán dần hoặc tất toán 01 lần khoản vay này tại Ngân hàng PVcomBank Cần Thơ mà ông Lê Minh M đã đứng ra vay hộ.

Theo các nguyên đơn, đối với số tiền 1.860.000.000 đồng bà N, ông N1, bà T sau khi ký Tờ cam kết ngày 08/3/2021 thì có trả cho bà O và bà D được 239.000.000 đồng rồi không thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo thỏa thuận nữa. Đối với khoản vay ông M vay hộ tại Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam, các nguyên đơn xác định Tờ cam kết được lập ngày 08/3/2021 (cùng ngày lập Tờ cam kết với số tiền 1.860.000.000 đồng) nhưng do nhầm lẫn khi lập cam kết nên ghi nhầm thành ngày 08/3/2020; sau khi ký Tờ cam kết này các bị đơn (cụ thể là bà Đoàn Huỳnh N) đã chuyển tiền gốc và lãi hàng tháng cho ông M đóng tiền cho Ngân hàng từ 15/3/2021 đến tháng 9/2022 thì ngưng, ông Lê Minh M đã tiếp tục đóng thay bị đơn từ tháng 10/2022 đến tháng 09/2023; hiện các bị đơn còn nợ lại ông M số tiền 418.562.559 đồng.

Các bị đơn có đại diện là ông Huỳnh Văn Vương trình bày các bị đơn có giao dịch làm ăn với bà O, bà Huỳnh D và ông M; các Tờ cam kết ngày 08/3/2021 và Tờ cam kết 08/3/2020 phần ký tên xác nhận ông thừa nhận là chữ ký của bà Đoàn Huỳnh N, ông Đoàn Hữu N1 và bà Nguyễn Thị Ngọc T. Đối với Tờ cam

kết ngày 08/3/2021 được lập giữa bà Hồ Thị Út O, bà Huỳnh D và các bị đơn, đến thời điểm hiện tại các bị đơn xác nhận còn nợ bà O và bà D tổng số tiền 1.621.000.000 đồng nhưng không xác định cụ thể là nợ bà O bao Nêu, bà D bao Nêu. Đối với Tờ cam kết ngày 08/3/2020 được lập giữa ông Lê Minh M và các bị đơn thì đại diện bị đơn không thừa nhận có sự nhầm lẫn về năm trOg Tờ cam kết này; ngoài ra bị đơn không có nhận tiền hay nhờ ông M vay tiền mà đây là tiền lãi do bà D và ông M tự tính rồi tạo áp lực buộc bị đơn ký xác nhận, thời gian lập Tờ cam kết không phù hợp với nội dung của Hợp đồng tín dụng mà ông M ký vay tại Ngân hàng.

Xét thấy, đối với số tiền 1.300.000 đồng bà Hồ Thị Út O và 321.000.000 đồng bà Huỳnh D yêu cầu các bị đơn thanh toán, các bị đơn thừa nhận còn nợ bà O và bà D tổng cộng 1.621.000.000 đồng và đồng ý thanh toán số tiền này. Bà Huỳnh D và bà Hồ Thị Út O tự xác định trOg tổng số tiền các bị đơn còn nợ thì có 1.300.000 đồng là của bà O, 321.000.000 đồng là của bà Huỳnh D. Do đó, việc bà Hồ Thị Út O yêu cầu các bị đơn trả 1.300.000.000 đồng, bà Huỳnh D yêu cầu trả 321.000.000 đồng là phù hợp với sự thừa nhận của bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận đối với yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị Út O, bà Huỳnh D.

Xét đối với Tờ cam kết được lập giữa ông Lê Minh M và bà Đoàn Huỳnh N, ông Đoàn Hữu N1 và bà Nguyễn Thị Ngọc T: Dù có sự không thống nhất về năm lập biên nhận giữa nguyên đơn và bị đơn nhưng đại diện bị đơn thừa nhận chữ ký và chữ viết là của các bị đơn. Ngoài ra, đại diện bị đơn cũng thừa nhận sau khi ký Tờ cam kết bà Đoàn Huỳnh N đã bắt đầu chuyển khoản cho ông Lê Minh M từ 15/3/2021 đến tháng 09/2022 theo thông báo của ông M với số tiền 210.417.000 đồng, sau đó thì bà N được ông N1 cho biết đây là đóng lãi nên không tiếp tục đóng nữa. Do đó, có đủ căn cứ kết luận có sự nhầm lẫn về năm trOg Tờ cam kết được lập giữa ông Lê Minh M và các bị đơn, năm lập Tờ cam kết là năm 2021 theo như nguyên đơn trình bày chứ không phải năm 2020 theo như Tờ cam kết thể hiện.

Dù cho rằng đây là tiền ông M buộc các bị đơn đóng lãi nhưng bị đơn lại không có chứng cứ nào chứng minh cho trình bày của mình, cả ông M và các bị đơn đều thừa nhận bà N đã thanh toán cho các khoản nợ gốc và lãi tại Ngân hàng từ tháng 03/2021 đến tháng 09/2022 thì ngưng. Qua kiểm tra sao kê thanh toán tại Ngân hàng PVcombank thì từ tháng 10/2022 đến tháng 9/2023 ông Lê Minh M đã thực hiện nghĩa vụ đóng tiền nợ gốc và lãi 119.275.236 đồng và số tiền còn nợ

lại theo xác nhận của Ngân hàng PVcombank tính đến ngày 30/10/2023 thì tài khoản vay của ông Lê Minh M tại Ngân hàng còn nợ lại nợ gốc 297.632.000 đồng và lãi 1.655.323 đồng nên việc ông Lê Minh M yêu cầu các bị đơn liên đới trả cho ông số tiền 418.562.559 đồng bao gồm số tiền còn nợ lại Ngân hàng theo xác nhận đến ngày 30/10/2023 và 12 tháng ông M đã thực hiện nghĩa vụ đóng tiền thay các bị đơn là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trOg hồ sơ nên Hội đồng xét xử chấp nhận đối với yêu cầu khởi kiện của ông Lê Minh M .

Xét yêu cầu tính lãi chậm trả của các nguyên đơn:

Thấy rằng, đây là giao dịch đòi lại tài sản, các bị đơn đã chiếm dụng tiền của nguyên đơn trOg một thời gian khá dài nên kể từ khi nguyên đơn có đơn yêu cầu khởi kiện nộp tại Tòa án (ngày 11/8/2023) thì bên cạnh số tiền phải trả lại cho các nguyên đơn, các bị đơn còn phải chịu lãi suất chậm trả với mức 10%/năm kể từ khi các nguyên đơn khởi kiện cho đến khi thanh toán xOg số tiền nợ cho các nguyên đơn. Tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm, số tiền lãi chậm trả mà các bị đơn phải trả cho các nguyên đơn là:

- Trả cho bà Út O: 1.3000.000.000 đồng X 10%/năm X 06 tháng 12 ngày = 69.330.560 đồng.

- Trả cho bà Huỳnh D: 321.000.000 đồng X 10%/năm X 06 tháng 12 ngày = 17.119.315 đồng.

- Trả cho ông Lê Minh M: 418.562.559 đồng X 10%/năm X 06 tháng 12 ngày = 22.314.240 đồng.

[3] Quan điểm của Viện kiểm sát phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Các bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 166, Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự,

Khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 207, 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015,

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án,

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn bà Hồ Thị Út O, bà Huỳnh D, ông Lê Minh M đối với các bị đơn bà Đoàn Huỳnh N, ông Đoàn Hữu N1 và bà Nguyễn Thị Ngọc T.

- Buộc Đoàn Huỳnh N, ông Đoàn Hữu N1 và bà Nguyễn Thị Ngọc T liên đới trả cho bà Hồ Thị Út O tổng số tiền 1.369.330.560 đồng. TrOg đó có 1.300.000.000 đồng nợ gốc và lãi suất chậm trả từ ngày 11/8/2023 đến ngày 23/02/2024 là 69.330.560 đồng.

- Buộc Đoàn Huỳnh N, ông Đoàn Hữu N1 và bà Nguyễn Thị Ngọc T liên đới trả cho bà Huỳnh D tổng số tiền 338.119.315 đồng. TrOg đó có 321.000.000 đồng tiền nợ gốc và lãi suất chậm trả từ ngày 11/8/2023 đến ngày 23/02/2024 là 17.119.315 đồng.

- Buộc Đoàn Huỳnh N, ông Đoàn Hữu N1 và bà Nguyễn Thị Ngọc T liên đới trả cho ông Lê Minh M tổng số tiền 440.885.003 đồng. TrOg đó có 418.562.559 đồng nợ gốc và lãi suất chậm trả từ ngày 11/8/2023 đến ngày 23/02/2024 là 22.322.444 đồng.

Kể từ ngày 24/02/2024 các bị đơn phải tiếp tục chịu lãi suất chậm trả với mức 10%/năm tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả cho đến khi trả đủ tiền cho các nguyên đơn.

- Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 15/2023/QĐ-BPKCTT ngày 30/10/2023 của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ đến khi Tòa án có Quyết định thay đổi, hủy bỏ việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời này.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đoàn Huỳnh N, ông Đoàn Hữu N1, bà Nguyễn Thị Ngọc T phải liên đới chịu 74.966.698 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà Huỳnh D được nhận lại 8.025.000 đồng, ông Lê Minh M được nhận lại 12.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000191 và 0000192 cùng ngày 04/10/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trOg thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trOg thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận **:**
- Các đương sự
- VKSND quận Ninh Kiều;
- TAND TP.CT;
- Chi cục THADS.Ninh Kiều;
- Lưu (HS – 2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Bé Hiền